

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HS-PT
Ngày 12-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuận

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Nhung

Bà Lê Thị Thanh Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thê – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 444/2019/TLPT-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Cao Thanh B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST, ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Cao Thanh B**, sinh năm 1956, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT: Thôn M, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/10; con ông: Cao Xuân H, sinh năm 1920 và con bà: Trương Thị B, sinh năm 1924 (Đều đã chết); bị cáo có vợ là: Vũ Thị L, sinh năm 1957 và có 01 con sinh năm 1986 (Con nuôi), đang cư trú tại thôn 13, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị Phương L1 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. – Địa chỉ: Đường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Bị hại: Ông Y T H'mok, sinh năm 1972 – địa chỉ: Buôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; (Có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2012, Cao Thanh B có gặp gỡ và nói chuyện với ông Y T Hmők, về việc B có mối quan hệ quen biết với nhiều người là lãnh đạo ở Bệnh viện đa khoa huyện C nên có khả năng xin việc cho người khác. Sau đó, ông Y T kể lại với bà H D Hmők (*Chị gái của ông Y T*), về việc B có khả năng xin được việc làm, nghe vậy bà H D nói ông Y T liên hệ với B để làm thủ tục xin cho anh Y W Byă (*Con rể của bà H D*), sinh năm 1987 mới tốt nghiệp Cao đẳng, chuyên ngành điều dưỡng đa khoa, được đi làm việc. Đến ngày 20/10/2012, ông Y T, bà H D và ông Y B1 Hmők đi đến nhà ông B để nhờ ông B xin cho anh Y W Byă vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa huyện C thì B đồng ý và yêu cầu ông Y T đưa cho B số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) làm chi phí xin việc. Hai bên thỏa thuận ông Y T sẽ đưa trước cho B số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) để lo cho anh Y W vào làm nhân viên hợp đồng tại Bệnh viện đa khoa huyện C trong thời gian 06 tháng, sau khi có quyết định chính thức thì ông Y T phải đưa số tiền còn lại cho B. Sau khi thống nhất, B trực tiếp nhận số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) từ ông Y T và viết “*giấy biên nhận tiền*” với nội dung nhận tiền để lo công việc cho anh Y W, có ông Y B1 ký tên là người làm chứng. Đến ngày 28/10/2012, B hẹn ông Y T đến nhà bà H D tại buôn H, xã E, huyện C và tiếp tục nhận thêm số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) từ ông Y T với sự chứng kiến của bà H' D, đồng thời B viết thêm vào phía đằng sau “*giấy biên nhận tiền*” đề ngày 20/10/2012, với nội dung là trước ngày 31/12/2012 sẽ có quyết định tạm tuyển cho anh Y W đi làm. Ngày 11/01/2013, ông Y T và bà H' D tiếp tục đến nhà B và đưa cho B số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) vì B nói cần tiền để quan hệ với lãnh đạo của Bệnh viện xin việc như đã thỏa thuận. Sau khi nhận số tiền trên, B đã viết giấy nhận tiền, có bà H D ký tên người làm chứng. Sau đó, vào các ngày 14/01/2013, ngày 18/01/2013 và 05/4/2013, ông Y T đã nhiều lần đưa thêm tiền cho B, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), tất cả những lần nhận tiền B đều ghi thêm nội dung vào giấy nhận tiền đã viết từ trước và có sự chứng kiến của bà H' D. Từ ngày 20/10/2012 đến ngày 05/4/2013, B đã nhận từ ông Y T tổng số tiền là 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*) nhưng không xin được việc làm cho anh Y W Byă nên ông Y T đã nhiều lần yêu cầu B thực hiện theo thỏa thuận nhưng B không thực hiện nên ông Y T đã yêu cầu B trả lại số tiền 90.000.000 đồng đã nhận. Vào ngày 21/3/2017, B đã trả lại cho ông Y T số tiền là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu*

đồng), đến ngày 13/02/2018, B tiếp tục trả cho ông Y T số tiền là 10.000.000 (Mười triệu đồng) và cam kết sẽ trả lại số tiền còn thiếu trước ngày 30/4/2018.

Đến ngày 11/02/2019, Cao Thanh B vẫn không thực hiện cam kết trả lại số tiền còn thiếu nên ông Y T Hmők đã làm đơn tố cáo gửi đến Công an huyện C để tiến hành xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết tố giác về tội phạm của ông Y T, vào các ngày 03/7/2019 và 12/8/2019, B đã tự nguyện trả lại tổng số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) cho ông Y T để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra, Cao Thanh B thừa nhận bản thân B không có khả năng xin được việc làm cho người khác nhưng B đã đưa ra thông tin gian dối là mình có mối quan hệ quen biết rộng rãi, thân thiết với một số lãnh đạo trong Bệnh viện đa khoa huyện C, có khả năng xin được việc làm trong Bệnh viện để tạo sự tin tưởng, nhằm mục đích chiếm đoạt tiền số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) của ông Y T Hmők để sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Tại bản Kết luận giám định số 322/PC09 ngày 29/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: *Chữ viết phần nội dung và chữ ký chữ viết mang tên Cao Thanh B trong các tài liệu cần giám định (“GIẤY NHẬN TIỀN” ghi ngày 11/01/2013, “GIẤY BIÊN NHẬN TIỀN” ghi ngày 20/10/2012, “GIẤY GIAO TIỀN” ghi ngày 21/3/2017, “GIẤY CAM KẾT TRẢ NỢ” đề ngày 29/02/2017) kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Cao Thanh B trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 (BẢN TỰ KHAI đề ngày 05/4/2019), M2 (BẢN TỰ KHAI đề ngày 05/4/2019) là do cùng một người viết và ký ra*”. Hiện nay, người bị hại ông Y T Hmők có đơn yêu cầu bị cáo Cao Thanh B trả lại số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) để ông Y T Hmők trả lại cho bà H’ D Hmők.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: bị cáo Cao Thanh B phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Cao Thanh B 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2019, bị cáo Cao Thanh B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thanh B giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện đúng như nội dung bản

cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm đã được tóm tắt nêu trên. Bị cáo cung cấp thêm chứng cứ đã khắc phục cho người bị hại 35 triệu đồng còn 10 triệu đồng bị cáo và bị hại tự thỏa thuận đến ngày 10/3/2020 sẽ trả hết. Người bị hại đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Cao Thanh B về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Cao Thanh B 02 năm 06 tháng tù, là thỏa đáng. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm được tình tiết đã bồi thường thêm cho người bị hại và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Tuy nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 32/2019/HS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trợ giúp viên pháp lý đã đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi bị cáo. Bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, người bị hại đã làm đơn bãi nại; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 của BLHS, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, không có tiền án, tiền sự. Nên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 54; Điều 65 của BLHS để xét xử bị cáo dưới khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm mà chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thanh B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa

sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: Từ tháng 10/2012 đến tháng 4/2013 Cao Thanh B đã dùng thủ đoạn gian dối là đưa ra thông tin gian dối là bị cáo có mối quan hệ quen biết lãnh đạo bệnh viện huyện C có khả năng xin việc cho người khác vào làm tại bệnh viện. Làm cho ông Y T Hmok tin tưởng đã giao hồ sơ xin việc và số tiền 90.000.000 đồng cho bị cáo để nhờ xin việc làm cho anh Y W Byă, sau khi lấy được tiền, bị cáo đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân không có khả năng hoàn trả. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e, khoản 2 Điều 139 BLHS năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Bởi lẽ, bị cáo là người dân tộc thiểu số nên trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế, sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình và tích cực bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bản thân bị cáo là người có công với cách mạng được Nhà nước phong tặng nhiều huân huy chương. Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới là bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 35.000.000 đồng và thỏa thuận bồi thường cho người bị hại, được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Vì vậy, cần xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của BLHS xử dưới khung hình phạt để thể hiện tính nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

Từ những phân tích, nhận định trên HĐXX có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HS-ST, ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt đối với bị cáo Cao Thanh B.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo Cao Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Cao Thanh B – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2019/HS-ST, ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Cao Thanh B 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Cao Thanh B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Sở Tư Pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện C;
- Công an huyện C;
- VKSND huyện C;
- Cơ quan THAHS CA huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác
- Công TTĐT;
- Lưu hồ sơ.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuần